

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 11 năm 2019

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Kim Tuyền.

2. Ông Lâm Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1990.

Đăng ký HKTT: ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Hiện đang cư trú: ấp 1, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt lần thứ 02)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình tố tụng vụ án thì Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc L và Bị đơn anh Phạm Văn C trình bày như sau: Vào năm 2007, sau khi được mai mối thì hai gia đình thống nhất cho chị L và anh C đi đến hôn nhân, và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 09-4-2008, sau đó vợ

chồng chị L, anh C sống bên gia đình anh C được một thời gian rồi ra sống riêng cũng tại địa chỉ ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chị L, anh C sống hạnh phúc và có với nhau 03 người con chung tên Phạm Chí K, sinh ngày 28-11-2008; Phạm Trọng N, sinh ngày 21-01-2013; Phạm Nguyên Thế K, sinh ngày 21-01-2013, do cuộc sống gia đình khó khăn nên khoảng năm 2016 chị L lên Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê và sau đó xảy ra mâu thuẫn với anh C: Theo chị L trình bày là anh C nghi ngờ chị L có quan hệ bất chính với người khác; anh C thì cho rằng chị L đi làm thuê bỏ lại 03 người con cho anh nuôi nên rất bức mình, chứ không có mâu thuẫn gì khác, và kể từ đó mâu thuẫn kéo dài đến năm 2018 thì chị L và anh C ly thân cho đến nay. Tại phiên tòa:

Chị L yêu cầu được ly hôn với anh C, vì tình cảm vợ chồng không còn; Anh C thì tại biên bản hòa giải ngày 26-9-2019, không thống nhất ly hôn, vì không có mâu thuẫn gì lớn.

Về con chung, tại biên bản hòa giải ngày 26-9-2019 chị L và anh C thống nhất nếu có ly hôn thì: giao cho chị L được nuôi dưỡng hai cháu là Phạm Trọng N, sinh ngày 21-01-2013 và Phạm Nguyên Thế K, sinh ngày 21-01-2013; anh C được nuôi dưỡng cháu Phạm Chí K, sinh ngày 28-11-2008 (theo chị L khai tại phiên tòa thì 03 con chung khi ly thân đến nay sống với chị L); Chị L, anh C đều không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng vẫn có quyền thăm nom con.

Về tài sản, nợ chung: Chị L, anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

* Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện H sau phần phân tích nội dung vụ án, nhận thấy:

Về Hôn nhân: Chị L và anh C cưới nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, là phù hợp quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đến đầu năm 2019 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh C mỗi lần uống rượu về là anh C dùng lời khó nghe và đánh chị L, chị L cương quyết ly hôn.

Bị đơn anh C không thống ly hôn, anh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn. Tuy nhiên, các phiên tòa Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh C không đến, từ đó cho thấy anh C không muốn hàn gắn tình cảm với chị L.

Vì vậy, cho thấy hôn nhân chị L và anh C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị L yêu cầu ly hôn với anh C là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc L được ly hôn với anh Phạm Văn C.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Chs K, sinh ngày 28-11-2008; Phạm Trọng N, sinh ngày 21-01-2013; Phạm Nguyên Thế K, sinh ngày 21-01-2013.

Chị yêu cầu được nuôi 02 cháu Nguyên và cháu Thế Kỷ, còn cháu K chị thống nhất giao cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng.

Bản khai, ngày 26-9-2019 cháu Phạm Chí K “*Ba mẹ ly hôn con xin ở với ba*”.

Biên bản hòa giải, ngày 26-9-2019 cháu Phạm Chí K, sinh 28-11-2008 (hiện đang sống với chị L), chị L và anh C thống nhất giao cháu K cho anh C nuôi dưỡng. Hai cháu Phạm Trọng N và Phạm Nguyên Thế K (hiện đang sống với chị L), anh C và chị L thống nhất giao cho chị L nuôi dưỡng.

Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Chí K, sinh ngày 28-11-2008 (hiện đang sống với chị L) cho anh C nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K; giao 02 cháu Phạm Trọng N sinh ngày 21-01-2013 và Phạm Nguyên Thế K, sinh ngày 21-01-2013, giao cho chị L nuôi dưỡng (hiện đang sống với chị L).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị L và anh C không yêu cầu và chưa tự nguyện cấp dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập.

* Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn cư trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với anh Phạm Văn C đã được Tòa án triệu tập xét xử đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không lý do, nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn C.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở mai mối cùng với sự tự nguyện của chị L, anh C và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 09 tháng 4 năm 2008 nên quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Ngọc L với anh Phạm Văn C là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị L, anh C thừa nhận thời gian đầu có hạnh phúc và sinh được ba người con chung tên Phạm Chí K, sinh ngày 28-11-2008, Phạm Trọng N, sinh ngày 21-01-2013 và Phạm Nguyên Thế K, sinh ngày 21-01-2013, sau đó đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hợp (do không tin tưởng nhau) và bắt đầu ly thân kể từ năm 2018 đến nay. Nay chị L khởi kiện xin được ly hôn với anh C, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn; Anh C thì không đồng ý ly

hôn, vì cho rằng còn thương yêu vợ, con và mâu thuẫn không lớn. Hội đồng xét xử, xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có tổ chức hòa giải đoàn tụ hai lần nhưng không thành, chị L kiên quyết ly hôn, anh C thì không có lý lẽ tích cực trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, đều đó chứng tỏ chị L đã không còn tình cảm vợ chồng với anh C, mà anh C lại không thiện chí trong việc kết nối lại tình cảm vợ chồng như theo lời nói của mình, nên việc chị L xin ly hôn là có cơ sở. Từ đó thấy rằng mâu thuẫn giữa chị L với anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh C.

- Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Theo chị L và anh C đã thống nhất thỏa thuận tại biên bản hòa giải ngày 26-9-2019, nếu ly hôn thì: giao cho chị L được nuôi dưỡng hai cháu là Phạm Trọng N, sinh ngày 21-01-2013 và Phạm Nguyên Thế K, sinh ngày 21-01-2013; anh C được nuôi dưỡng cháu Phạm Chí K, sinh ngày 28-11-2008 (phù hợp với nguyện vọng của cháu K); Chị L, anh C đều không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng vẫn có quyền thăm nom con. Xét thấy sự thỏa thuận trên của chị L với anh C là tự nguyện, phù hợp với pháp luật, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K, nên chấp nhận.

- Về tài sản, nợ chung: Chị L và anh C không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí. Thì chị L là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BH/2018/ 0000978 ngày 11-9-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Anh C không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 91, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Ngọc L được ly hôn với anh Phạm Văn C.

2. Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung:

- Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Ngọc L với anh Phạm Văn C tại biên bản hòa giải ngày 26-9-2019 như sau: Giao chị Nguyễn Ngọc L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Phạm Trọng N, sinh ngày 21-01-2013 và Phạm Nguyên Thế K, sinh ngày 21-01-2013 (hiện đang sống với chị L); Anh Phạm Văn C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là Phạm Chí K, sinh ngày 28-11-

2008 (phù hợp với nguyện vọng của cháu K tại bản tự khai ngày 26-9-2019, và hiện đang sống với chị L); Chị Nguyễn Ngọc L, anh Phạm Văn C đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Ngọc L, anh Phạm Văn C chưa phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L, anh C chưa yêu cầu.

3. Về tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc L và anh Phạm Văn C không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Ngọc L là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm do chị Nguyễn Ngọc L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BH/2018/ 0000978 ngày 11-9-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị Nguyễn Ngọc L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

- Anh Phạm Văn C không phải chịu án phí sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo Bản án: Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc L có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (21-11-2019). Đối với bị đơn anh Phạm Văn C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án theo quy định.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách